

Số: 74/2020/QĐST-DS

Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 292/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Nguyễn Hồng Thạch T, sinh năm 1987; địa chỉ: Lô C1, Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Nguyễn Hồng Đoàn Trang, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà D, bà T và bà T: Ông Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1972; địa chỉ: đường N, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2020).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1991; địa chỉ: Lô C1, Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Thúy P, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Trần Thị Ánh N, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Mai Thị Rắc L, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

+ Cháu Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 2008; địa chỉ: Lô C1, Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đ: Bà Nguyễn Hồng Thạch T, sinh năm 1987; địa chỉ: Lô C1, Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác định căn nhà có tổng diện tích xây dựng $122m^2$ và nhà trọ có tổng diện tích xây dựng $59,8m^2$ gắn liền với diện tích đất $160m^2$ thuộc thửa đất số 784, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 009763, sổ vào sổ cấp GCN: CS06612 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/7/2017 cho ông Nguyễn Hồng S là di sản thừa kế của ông Nguyễn Hồng S để chia theo pháp luật;

- Xác định số tiền 5.882.859.642 đồng (năm tỷ tám trăm tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng) cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh tại các sổ tiết kiệm số TK3833273, số TK4225454, số TK4226028, số TK4226052, số TK3840426, số TK3020414, số TK3016208, số TK4111971, số TK4226389, số TK3836152, số TK3835388 tất cả đều mã khách hàng 0100444498 của ông Nguyễn Hồng S và tài khoản số 1002414431 của ông Nguyễn Hồng S gửi và mở tại Ngân hàng S – H Chi nhánh Bình Dương là di sản thừa kế của ông Nguyễn Hồng S để chia theo pháp luật (ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1956 chết ngày 19/7/2018; địa chỉ trước khi chết: Tổ 56, Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

- Xác định những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Hồng S gồm có: Bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Hồng Đoàn T, bà Nguyễn Hồng Thạch T, ông Nguyễn Hồng P và cháu Nguyễn Hồng Đ.

- Xác định bà Nguyễn Hồng Thạch T là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Hồng Đ.

- Thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Hồng S như sau:

+ Bà Nguyễn Hồng Thạch T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu căn nhà có tổng diện tích xây dựng $122m^2$ và nhà trọ có tổng diện tích xây dựng $59,8m^2$ gắn liền với diện tích đất $160m^2$ thuộc thửa đất số 784, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 009763, sổ vào sổ cấp GCN: CS06612 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/7/2017 cho ông Nguyễn Hồng S; đất có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Thu T,

Hướng Tây giáp đất ông Vương L,

Hướng Nam giáp đường Bùi Quốc K,

Hướng Bắc giáp Trường PTTH V.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Hồng Thạch T được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo nội dung của Quyết định này sau khi hoàn thành xong nghĩa vụ tài chính đối với phần đất xây dựng vượt quá đất ở.

+ Bà Nguyễn Hồng Thạch T được quyền sở hữu số tiền gốc 5.882.859.642 đồng (năm tỷ tám trăm tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh tính đến ngày tất toán tại các sổ tiết kiệm số TK3833273, số TK4225454, số TK4226028, số TK4226052, số TK3840426, số TK3020414, số TK3016208, số TK4111971, số TK4226389, số TK3836152, số TK3835388 tất cả đều mã khách hàng 0100444498 của ông Nguyễn Hồng S và tài khoản số 1002414431 của ông Nguyễn Hồng S gửi tiết kiệm và mở tài khoản tại Ngân hàng S – H Chi nhánh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Hồng Đoan T, ông Nguyễn Hồng P và cháu Nguyễn Hồng Đ cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Hồng Thạch T liên hệ với Ngân hàng TMCP S – H Chi nhánh Bình Dương để nhận toàn bộ số tiền gốc 5.882.859.642 đồng (năm tỷ tám trăm tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh tính đến ngày tất toán mà ông Nguyễn Hồng S đã gửi tiết kiệm và mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP S – H Chi nhánh Bình Dương.

+ Bà Nguyễn Hồng Thạch T có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Hồng Đoan T, ông Nguyễn Hồng P và cháu Nguyễn Hồng Đ mỗi người 2.370.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Bà Nguyễn Hồng Thạch T là người quản lý số tiền 2.370.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng) của cháu Nguyễn Hồng Đ được hưởng thừa kế tài sản của ông Nguyễn Hồng S; bà T có nghĩa vụ giao lại số tiền 2.370.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng) cho cháu Đ khi cháu Đ đủ tuổi theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Hồng Thạch T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì các đồng thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi căn nhà có tổng diện tích xây dựng 122m² và nhà trọ có tổng diện tích xây dựng 59,8m² gắn liền với diện tích đất 160m² thuộc thửa đất số 784, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương để chia theo tỷ lệ sau khi trừ đi chi phí phát mãi tài sản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền chưa trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Hồng Thạch T tự nguyện nộp số tiền 5.273.670 đồng (năm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) và đã quyết toán xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Hồng Thạch T phải nộp số tiền 19.746.876 đồng (mười chín triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng), bà Nguyễn Thị Thùy D và bà Nguyễn Hồng Đoan T mỗi người phải nộp số tiền 39.700.000 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng), được khấu trừ 81.000.000 đồng (tám mươi một triệu đồng) đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050128 ngày 01/7/2020 và AA/2016/0050198 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một; bà Nguyễn Thị Thùy D và bà Nguyễn Hồng Đoan T mỗi người còn phải nộp số tiền 12.700.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho bà Nguyễn Hồng Thạch T số tiền 7.253.124 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi bốn đồng) còn thừa.

Ông Nguyễn Hồng P phải nộp số tiền 39.700.000 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Cháu Nguyễn Hồng Đ được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trường